TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2023
"V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản và t/c đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Bà Võ Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2023/QĐPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương O, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Tô S, sinh năm 1990. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 14 tháng 8 năm 2023).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Dương H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn R, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Trọng Nghĩa, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, TP. Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Dương O trình bày: Bà với bà Dương H là cô cháu ruột, bà kêu bà Hiền bằng cô. Trước ngày 18/6/2020 thì bà Hiền cũng thường hay mượn tiền của bà để làm ăn, tiêu xài cá nhân, cũng có trả, trả rồi mượn lại. Vào ngày 18/6/2020 bà Hiền có mượn bà 100.000.000 đồng, nghĩ chỗ cô cháu ruột nên không có làm giấy tờ, việc cho mượn không có thỏa thuận lãi suất, bà đưa cho bà Hiền bằng tiền mặt tại nhà bà Hiền, khi bà Hiền mượn tiền có nói là để đi chuộc bằng khoán về và đưa bằng khoán cho bà giữ để làm niềm tin. Khoảng 01 tháng sau không nhớ ngày nào bà Hiền hỏi mượn thêm của bà 60.000.000 đồng, lần này bà Hiền nói mượn để chuộc chiếc xe và đi thẩm mỹ làm đẹp, việc mượn lần này cũng không có làm giấy tờ, cũng giao bằng tiền mặt tại nhà bà (bà O). Và một lần bà Hiền mượn 40.000.000 đồng trước ngày 18/6/2020 khoảng hai tháng mấy, không nhớ chính xác ngày nào, bà Hiền nói mượn để làm công chuyện, lần này cũng không có giấy tờ, cũng giao bằng tiền mặt tại nhà bà Hiền.

Như vậy, tổng cộng bà Hiền mượn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), mặc dù không phải cho vay, không có thỏa thuận lãi suất nhưng bà Hiền có nói với bà mỗi tháng đưa cho bà 6.000.000 đồng tiền lãi nhưng thực tế bà Hiền chỉ đưa được 01 lần là 4.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả vốn và lãi cho bà. Ngoài ra, trước ngày 18/6/2020 vài ngày bà Hiền có hỏi mượn bà 01 tấm lắc 5,5 chỉ vàng 18K, không có làm giấy tờ, số vàng này bà đưa trước nhà bà Hiền.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương H phải trả cho bà số tiền vốn 200.000.000 đồng và trả 5,5 chỉ vàng 18K, bà yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20/6/2020 đến khi xét xử xong với lãi suất 1,5%/tháng, tạm tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày 21/12/2022 là 30 tháng với số tiền lãi là 90.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 17/4/2023 bà O rút lại không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà O có thay đổi một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện, cụ thể: Bà O rút lại không yêu cầu tính lãi suất và yêu cầu bà Hiền trả 05 (năm) chỉ vàng 18K (thay vì 5,5 chỉ vàng 18K) và buộc bà Dương H trả cho nguyên đơn số tiền gốc 200.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn chấp nhận trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Dương H đứng tên và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Bị đơn bà Dương H trình bày: Lời trình bày của bà O không đúng sự thật, vào ngày 10/6/2020 bà có vụ kiện tranh chấp nhà, đất tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang với người khác, không có tiền nên bà có hỏi vay Oanh 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) để đóng tiền tạm ứng án phí và thuê luật sư, thỏa thuận lãi suất 30%/tháng, theo đó 70.000.000 đồng gốc thì mỗi tháng bà phải đóng cho bà O 21.000.000 đồng tiền lãi, bà bắt đầu đóng lãi cho bà O từ tháng 7/2020 đến tháng 5/2021 là 11 tháng, đã đóng cho Oanh tổng cộng 231.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 6/2021 bà không có tiền đóng lãi nên Oanh đưa cho bà thêm 9.000.000 đồng và cộng với 01 tháng lãi là 21.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. Tháng 7, 8, 9/2021 bà không có tiền đóng lãi nên bà O kêu cho mượn tấm lắc 5 chỉ vàng 18K chứ không phải 5,5 chỉ vàng 18K, kêu bà đi cầm đóng lãi cho bà O để bà O lấy tiền trị bệnh, bà mang đi cầm nhưng tiệm vàng nói là vàng thiếu tuổi nên 5 chỉ vàng 18K chỉ cầm được 12.000.000 đồng, do bà cầm vàng không có tiền chuộc nên xem như đứt luôn; những lần bà mượn tiền, vàng và trả lãi không có làm giấy tờ với bà O. Như vậy, trước sau bà chỉ mượn của bà O 79.000.000 đồng tiền mặt và 05 chỉ vàng 18K, bà chỉ chấp nhận trả số tiền và vàng này cho bà O chứ không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà O. Đối với tin nhắn và file ghi âm bà thừa nhận là tin nhắn và giọng nói của bà, sở dĩ trong cuộc trò truyện với bà O bà có thừa nhận mượn 200.000.000 đồng và hứa trả 200.000.000 đồng cho bà O là do trước đó bà O gây áp lực "giục cuốn tập và cây viết trước mặt bà, kêu bà viết giấy nợ" nên bà bị áp lực và hứa đại để bà O để cho bà yên chứ bà không có mượn số tiền 200.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền, vàng bà có đưa cho bà O 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do Dương H đứng tên tại thửa đất số 330, diện tích 95m^2; Đất ở tại nông thôn địa chỉ đất tại ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện P, tỉnh Hậu Giang, nên bà giữ nguyên phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà O trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trọng Nghĩa trình bày: Ông với bà O là vợ chồng, tiền và vàng cho bà Hiền mượn là tài sản chung của vợ chồng, nhưng mọi quyết định ông để cho vợ là Dương O quyết định, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Hiền trả cho bà O số tiền vốn 200.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 18K, ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn bà Dương O đối với bị đơn bà Dương H.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn bà Dương H đối với bà Dương O.

Buộc bà Dương H có nghĩa vụ trả cho bà Dương O số tiền 196.000.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) và 5 (năm) chỉ vàng 14K (theo loại vàng giao dịch tại địa phương).

Đình chỉ xét xử đối với việc rút lại yêu cầu 0,5 chỉ vàng 18K và yêu cầu tính lãi suất số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn bà Dương O đối với bị đơn bà Dương H.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Dương O giao trả cho bà Dương H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 30/6/2009 cho Dương H đứng tên chủ sử dụng tại thửa đất số 330, diện tích 95m^2.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2023, bị đơn bà Dương H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến số tiền 196.000.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn thừa nhận tin nhắn và đoạn file ghi âm mà nguyên đơn cung cấp là tin nhắn và giọng nói của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng nội dung tin nhắn và đoạn file ghi âm không có thừa nhận nợ số tiền như phía nguyên đơn trình bày. Bị đơn

cho rằng có nói hứa trả 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để bà O không gây áp lực cho bị đơn, chứ bị đơn không có ký giấy nhận nợ với nguyên đơn. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 79.000.000 đồng (bảy mười chín triệu đồng) và lãi suất theo quy định của nhà nước từ tháng 6 năm 2021 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Dương H có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn cho rằng đã đưa cho bị đơn mượn 03 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, do chỗ Cô cháu ruột với nhau nên không có lập văn bản ký xác nhận. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn có xuất trình bản in các tin nhắn qua lại và file ghi âm cuộc nói chuyện giữa nguyên đơn và bị đơn (kèm theo văn bản trình bày về tài liệu và xuất xứ của tài liệu; vi bằng).

[2.1] Bị đơn bà Hiền thừa nhận những tin nhắn qua lại với bà O cung cấp là của bà, file ghi âm đúng là giọng nói của bà. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.2] Xét tính hợp pháp của vi bằng và file ghi âm của nguyên đơn cung cấp dù có nhiều đoạn thoại không liên quan nội dung tranh chấp nhưng có đoạn bà Hiền đã nói "… *Chín lấy cái bằng khoán á Chín vay rồi đặng Chín trả lại chỗ đó mà người ta không lấy lời Chín, rồi Chín mượn hai trăm triệu Chín đưa con*…". Như vậy, qua lời thoại việc bà Hiền có thừa nhận và sẽ mượn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để đưa bà O, phù hợp với số tiền bà O khởi kiện yêu cầu bà Hiền

trả 200.000.000 đồng, phù hợp với lời thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm của bà Hiền là nói có hứa trả 200.000.000 đồng để bà O không gây áp lực cho bà nữa, nhưng bà Hiền không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà bị bà O gây áp lực, ép buộc bà nhận nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ chấp nhận.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bà Dương H là người kháng cáo nhưng cung cấp chứng cứ gì mới và cũng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của bà là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 3, khoản 1 Điều 6, Điều 105, Điều 115, Điều 166, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn bà Dương O đối với bị đơn bà Dương H.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn bà Dương H đối với bà Dương O.

1. Buộc bà Dương H có nghĩa vụ trả cho bà Dương O số tiền 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) và 5 (năm) chỉ vàng 14K (theo loại vàng giao dịch tại địa phương).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Dương O có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) nếu bà Dương H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357,

Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Bà Dương H không phải chịu lãi suất chậm trả đối với nghĩa vụ trả vàng.

2. Đình chỉ xét xử đối với việc rút lại yêu cầu 0,5 chỉ vàng 18K và yêu cầu tính lãi suất số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn bà Dương O đối với bị đơn bà Dương H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Dương O giao trả cho bà Dương H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), thông tin giấy như sau: số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01645, thửa đất số 330, tờ bản đồ số 556, địa chỉ đất tại ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện P, tỉnh Hậu Giang, diện tích 95m2; hình thức sử dụng riêng 95m2; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 30/6/2009 cho Dương H đứng tên chủ sử dụng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương O phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Chuyển 7.937.500 đồng (bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0012345 ngày 02/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Dương O được nhận số tiền còn lại là 7.337.500 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Dương H phải chịu là 10.516.000 đồng (mười triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Dương H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012400 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hậu Giang thành án phí, bà Dương H còn phải nộp thêm 10.216.000 đồng (mười triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012400 ngày 27/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/8/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS H. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn